



Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ  
website: [sj.ctu.edu.vn](http://sj.ctu.edu.vn)



## QUÁ TRÌNH GIAO LƯU VÀ TIẾP BIẾN VĂN HÓA VÙNG ĐẤT NAM BỘ (THẾ KỈ XVI - XVIII)

Phạm Thị Huệ

Trường Cao đẳng Cần Thơ

### Thông tin chung:

Ngày nhận: 16/06/2015

Ngày chấp nhận: 22/12/2015

### Title:

The process of cultural and accultural exchanges in the Southern Vietnamese region (XVI - XVIII)

### Từ khóa:

Văn hóa phương Nam, văn hóa Việt, giao lưu, văn hóa vật thể, văn hóa phi vật thể

### Keywords:

Southern culture, Vietnamese culture, the cultural exchanges, material culture, intangible culture

### ABSTRACT

From 16th century to 18th century, Southern lands welcomed many people as Vietnamese, Chinese, Khmers, Chams to settle here. A long process of ethnic phenomenon caused the culture's exchanges and acculturation. The Vietnamese people and Vietnamese culture became the basic factor of the Southern culture. In other words, the Vietnamese people, the subject of the cultures, had impact on the cultures of other peoples, the objectivity. The exchanges of acculturation among ethnic groups in the South were expressed through cultural valued material and intangible cultures.

### TÓM TẮT

Thế kỷ XVI - XVIII, vùng đất phương Nam trở thành vùng đất tụ cư của nhiều dân tộc Việt, Hoa, Khmer, Chăm. Quá trình cộng cư lâu đời của các dân tộc đã nảy sinh hiện tượng giao lưu và tiếp biến văn hóa. Người Việt và văn hóa Việt trở thành nhân tố cơ bản của văn hóa phương Nam. Bởi vì người Việt là chủ thể của các văn hóa, tác động đến các khách thể là văn hóa các dân tộc khác. Sự giao lưu tiếp biến văn hóa giữa các tộc người ở phương Nam thể hiện qua các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể.

## 1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Do điều kiện lịch sử quy định, từ lâu, vùng đất phương Nam đã là nơi hội tụ của nhiều nền văn hóa bởi sự hiện diện của nhiều thành phần dân tộc khác nhau: Việt, Hoa, Chăm, Khmer. Đây là trung tâm của quá trình giao thoa văn hóa diễn ra nhanh chóng cả về bề mặt lẫn bề sâu, cả về lượng và chất. Từ đó, hình thành nên một văn hóa phương Nam có những đặc thù riêng. Từ thế kỷ XVI – XVIII, văn hóa phương Nam đã được định hình tương đối rõ ràng khi: “vùng đất này chính thức sáp nhập vào lãnh thổ Việt Nam..., khi chúa Nguyễn đặt đạo Đông Khẩu ở Sa Đéc, đạo Tân Châu ở Tiền Giang, đạo Châu Đốc ở Hậu Giang, đặt Giá Khê (Rạch Giá) làm đạo Kiên Giang, Cà Mau làm đạo Long

Xuyên” (trích bởi Phan Khoang, 2001, tr.346). Vì vậy, tìm hiểu về quá trình giao lưu và tiếp biến văn hóa vùng đất Nam Bộ thế kỷ XVI – XVIII là tìm hiểu một bộ phận trong lịch sử văn hóa dân tộc Việt Nam. Đồng thời qua đó có điều kiện tìm hiểu thêm về văn hóa của các dân tộc sinh sống ở đây trong mối quan hệ sinh tồn, phát triển và ảnh hưởng lẫn nhau trong quá trình cộng cư.

## 2 GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

### 2.1 Sơ lược quá trình khai phá vùng đất phía Nam (thế kỷ XVI – XVIII)

Vùng đất Nam Bộ vốn là một địa bàn giao tiếp và đã từng có nhiều lớp cư dân đến khai phá. Vào khoảng đầu công nguyên, cư dân vùng đất này đã xây dựng nên nhà nước Phù Nam. Từ thế kỷ V-VI,



Phù Nam đã trở thành một đế chế rộng lớn. Nhưng đến thế kỷ VII đế chế Phù Nam tan rã, Chân Lạp vốn là một trong những thuộc quốc của Phù Nam đã tấn công đánh chiếm vùng hạ lưu sông Mêkông (tương đương với vùng đất Nam Bộ). Vì vậy, một vài nơi ở vùng đất này có người Khmer sinh sống. Tuy nhiên, trong suốt thời gian gần 10 thế kỷ vùng đất Nam Bộ không được cai quản chặt chẽ và gần như bị bỏ hoang. Từ cuối thế kỷ XVI và đặc biệt là từ đầu thế kỷ XVII, dưới sự bảo hộ của các chúa Nguyễn, vùng đất phương Nam bắt đầu đón nhận lớp cư dân người Việt ở vùng Thuận – Quảng đến khai phá. Chính họ đã lập ra những làng người Việt đầu tiên trên vùng đất này. Thành phần của lớp cư dân này phần lớn là nông dân, thợ thủ công nghèo, những người tha phương kiếm sống không chịu nổi sự bóc lột của giai cấp phong kiến Đàng Ngoài.

Cùng với các nhóm cư dân người Việt, trong thời gian này cũng xuất hiện một số người Hoa không chịu sự cai trị của nhà Thanh nên đã vượt biển kéo vào vùng đất Nam Bộ khẩn hoang, làm ăn sinh sống và phát triển thành các vùng Cù Lao Phố, Nông Nại đại phố và Càng Mang Khảm - Hà Tiên sớm nhất.

Đến thế kỷ XVIII, người Chăm Hồi giáo đã di trú đến vùng đất Châu Đốc của phương Nam vì họ không chấp nhận chính sách cưỡng bức đồng hóa của chính quyền phong kiến Xiêm. Mặt khác, người Chăm ở Ninh Thuận, Bình Thuận di cư vào Nam do các hoạt động quân sự của chúa Nguyễn.

Như vậy, thế kỉ XVI – XVII, người Việt đã nhanh chóng hoà đồng với các cộng đồng cư dân Khmer, Hoa, Chăm cùng nhau mở mang, phát triển Nam Bộ thành một vùng đất trù phú.

## 2.2 Cơ sở hình thành sự giao lưu văn hóa vùng đất phía Nam (thế kỷ XVI – XVIII)

Cơ sở đầu tiên hình thành lịch sử văn hóa phương Nam (thế kỷ XVI – XVIII) chính là lịch sử văn hóa truyền thống của các dân tộc ở vùng đất này. Phương Nam là một vùng đất mới, trước có người Khmer và người Chăm sinh sống. Khi người Việt đến, họ đã hòa nhập vào cuộc sống của cư dân nơi đây. Cùng với sự di cư của người Việt, làn sóng di dân của người Hoa đã tạo nên một vùng định cư đa dân tộc ở nơi đây. Cả bốn tộc người này cùng chung sống hòa nhập với nhau tạo nên sự cố kết trong cộng đồng các dân tộc. Người Việt với vai trò chủ thể văn hóa đã tác động, ảnh hưởng đến các khách thể đó là các tộc người Hoa, Khmer, Chăm. Với thái độ ứng xử văn hóa tự nhiên, thoải mái, người Việt đã chủ động tiếp xúc với các nền

văn hóa bản địa. Vì khi vào vùng đất phương Nam, người Việt đã nhận thức được mình đã bước chân đến một “thế giới” mới, một vùng đất mới; mới về môi trường tự nhiên lẫn xã hội:

*“Tôi đây xứ sở lạ lùng,*

*Chim kêu phải sợ cá vùng phải ghê”*

Nhưng người Việt sẵn sàng đón nhận văn hóa bản địa, từng bước biến thành cái riêng của mình. Mặt khác trên vùng đất mới, các tộc người vốn có cùng tầng văn hóa bản địa Đông Nam Á chung nên đã dễ dàng chung sống với nền văn hóa của tộc người Việt. Tất cả tiếp xúc, hội nhập và hòa trộn lẫn nhau tạo nên văn hóa của vùng đất phương Nam - văn hóa của các tộc người sinh sống ở phương Nam.

Cơ sở thứ hai là lịch sử văn hóa các tộc người ở đây đã cùng phát triển kết hợp với những yếu tố mới tạo thành một phức hợp; trong đó cái “vốn có” của mỗi luồng văn hóa bản địa vẫn là chủ yếu. Bản lĩnh sáng tạo biểu hiện ở mô dạng kết hợp cái mới với cái “vốn có”, thích ứng cái “vốn có” với điều kiện mới; bản lĩnh này không chỉ riêng ở dân tộc nào mà thể hiện ở tất cả các tộc người trên vùng đất phương Nam. Trong đó, người Việt với vai trò chủ thể đã từng bước địa phương hóa lịch sử văn hóa của mình cả về vật chất lẫn tinh thần. Điều này có lẽ đã tạo điều kiện cổ kết các tộc người lại với nhau. Cũng cần nhìn nhận lại, sở dĩ hiện tượng giao lưu văn hóa nơi đây diễn ra nhanh chóng là vì tất cả đều là cư dân Đông Nam Á, đều có nền tảng kinh tế chung là nông nghiệp và đánh bắt cá. Họ đều phải đối diện với điều kiện sống khó khăn, cùng hoàn cảnh đói nghèo, nạn nhân của chiến tranh, áp bức nên dễ thông cảm, cổ kết và hòa hợp nhau. Đây là đặc trưng lớn, là hạt nhân đoàn kết, cổ kết các tộc người ở vùng đất phương Nam. Đối với người Việt, với điều kiện sống mới, hoàn cảnh địa lý và thiên nhiên khắc nghiệt buộc họ muốn sinh tồn và phát triển phải lao động cần cù và sáng tạo không chưa đủ mà phải tiến hành trên cơ sở tập thể có tính cộng đồng cao. Điều kiện chính trị và địa lý như thế đã thúc đẩy người Việt chủ động hòa nhập, hấp thu một cách rộng rãi yếu tố văn hóa của các tộc người khác để sinh tồn và phát triển.

## 2.3 Quá trình giao lưu và tiếp biến văn hóa vùng đất phía Nam (thế kỷ XVI – XVIII)

Do điều kiện lịch sử quy định, thế kỷ XVI – XVIII, vùng đất phương Nam đã là nơi hội tụ của nhiều nền văn hóa bởi sự hiện diện của nhiều thành phần dân tộc khác nhau. Chính sự cộng cư lâu dài đã tạo điều kiện cho quá trình giao lưu và tiếp biến



văn hóa. Quá trình này được diễn ra trên hai phương diện chủ yếu: văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể. Từ đó, hình thành nên một văn hóa phương Nam đặc sắc.

### 2.3.1 *Giao lưu văn hóa vật thể*

Ở lĩnh vực kiến trúc, giao lưu văn hóa giữa các tộc người ở vùng đất phương Nam thể hiện sinh động chùa chiền, thánh đường, tháp Chàm. Tất cả đều mang màu sắc tôn giáo. Hiện tượng giao lưu văn hóa còn thể hiện ở nhà ở của các cư dân vùng đất này. Kiến trúc nhà ở buổi sơ khai của nhiều cư dân là nhà sàn trên cột, nhằm tránh thú dữ, khí hậu ẩm thấp, lụt lội. Người Khmer lúc đầu ở nhà sàn cổ truyền nhưng khi cộng cư với người Việt đã tiếp thu nhà đất, nhà có mái của người Việt.

Về trang phục: Với những trang phục ngày thường, người Việt ảnh hưởng trang phục của người Hoa với chiếc áo ngắn, hẹp tay cài khuy. Các cư dân Chăm, Hoa, Khmer đều thích chiếc áo bà ba màu đen của dân tộc Việt. Người Minh Hương gốc Hoa cũng mặc áo dài đen của người Việt. Các cư dân đều thích mặc chiếc xà rông của người Khmer. Còn tang phục, giữa các cư dân đều giống nhau đó là sử dụng màu trắng. Về trang phục cưới hỏi, các cư dân đều sử dụng trang phục màu hồng và đỏ. Trang phục của các cư dân dù có tiếp biến nhưng vẫn còn lưu giữ nét cổ truyền của dân tộc và dấu ấn tôn giáo của mình. Chính điều này tạo nên sự phong phú nhưng vẫn phân biệt được trang phục của cư dân này với cư dân khác.

Trong ẩm thực cũng thể hiện được sự tiếp biến văn hóa. Do sống trên địa bàn chung, các cư dân đã tiếp xúc và ảnh hưởng lẫn nhau. Quá trình đó đã thể hiện trong lĩnh vực ăn uống. Trong thực tế, người Việt đã tiếp nhận món canh chua của người Khmer và cải tiến qua kỹ thuật nấu nướng của người Hoa. Ngoài ra, người Việt còn tiếp nhận những món ăn người Hoa như cơm Dương Châu; gà, vịt tiềm thuốc bắc. Trong nghi lễ cúng người Việt, Hoa đều cúng chủ yếu là bánh ngọt. Còn người Khmer có món chè giống người Việt như Nôm phay (chè trôi nước), Nôm on-chết (bánh xèo nhân ngọt),... Đặc biệt, các cư dân ở phương Nam đều là những cư dân nông nghiệp nên thức ăn chủ yếu của họ vẫn là cơm-cá-mắm. Người Việt ngoài những món ăn làm bằng nếp cũng sử dụng món cơm nếp của người Khmer. Cái bếp của người Việt là ảnh hưởng từ cái cà ràng của người Khmer...

### 2.3.2 *Giao lưu văn hóa phi vật thể*

Về tín ngưỡng tôn giáo: Các cư dân với thái độ bao dung cởi mở đã chủ động tiếp nhận các tôn

giáo ngoại sinh như Nho giáo, Phật giáo, Thiên chúa giáo, Ấn độ giáo, Hồi giáo. Các tôn giáo với tư tưởng bác ái khuyến thiện phù hợp tính cách con người nơi đây. Mức độ tiếp nhận văn hóa giữa các dân tộc có sự khác nhau, chẳng hạn người Việt tiếp thu Nho giáo một cách chọn lọc, còn Nho giáo lại ảnh hưởng sâu sắc trong đời sống tinh thần của người Hoa. Ở Phật giáo, ảnh hưởng sâu sắc trong đời sống tinh thần của các cư dân Việt, Hoa, Khmer. Đạo Phật Tiểu Thừa trở thành hệ thống tư tưởng chủ đạo chi phối sinh hoạt tinh thần của người Khmer, còn người Việt, Hoa là Phật giáo Đại Thừa. Không chỉ thế, đạo Thiên chúa giáo cũng ảnh hưởng sâu sắc trong đời sống tinh thần của người Việt. Thái độ bao dung, cởi mở đã khiến người Việt sẵn sàng đón nhận các tôn giáo ngoại sinh trong đó có Thiên chúa giáo. Trong khi đó Hồi giáo và Ấn Độ giáo lại ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống tinh thần của người Chăm trên vùng đất phương Nam.

Về tín ngưỡng dân gian: Sự giao lưu văn hóa thể hiện ở việc thờ cúng Bà Thiên Hậu, ông Bôn, Ngũ Hành của người Hoa trong chùa Phật giáo Tiểu thừa của người Khmer. Đặc điểm chung trong sinh hoạt tôn giáo của các cư dân là tính cộng đồng. Mọi sinh hoạt tôn giáo của các cư dân đều diễn ra ở Chùa, Thánh đường, tháp Chàm,... Ngoài ra, còn có sự giao lưu tín ngưỡng giữa các dân tộc. Các cư dân đều có cùng tâm thức tín ngưỡng giống nhau như tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, thờ thần, thờ Mẫu,... Trong họ vẫn còn tồn tại dấu vết tín ngưỡng cư dân nông nghiệp, nặng về triết lý âm sinh: tín ngưỡng thờ Mẫu. Khi vào vùng đất phương Nam, người Việt mang theo tín ngưỡng thờ Mẫu và gặp gỡ tín ngưỡng thờ Mẫu của người Chăm đó là thần Mẹ xứ sở. Người Việt không chỉ tiếp nhận mà còn đồng nhất, Việt hóa thành Bà Chúa Ngọc. Và khi tiếp xúc tín ngưỡng nữ thần Đất của người Khmer, người Việt đã biến thành Bà Cháu Xứ, Bà Đen để thờ cúng. Về tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt ta thấy đây là dòng chảy cuối cùng của tín ngưỡng thờ Mẫu của dân tộc Việt Nam. Giao lưu tín ngưỡng thể hiện trong các gia đình người Khmer lai Việt, lai Hoa, họ cũng thờ Quan Công, Bà Mẹ Sanh. Ở người Việt, trong gia đình đều có thờ Bà Thiên Hậu, Quan Công đó là ảnh hưởng bởi tín ngưỡng thờ Thần, thờ Mẫu của người Hoa.

Bên cạnh đó, sinh hoạt tín ngưỡng của các cư dân vùng đất phương Nam mang đậm yếu tố văn hóa biển và văn hóa nông nghiệp chẳng hạn tục thờ cúng cá Voi, tục thờ cúng thần sông, thần mưa (thể hiện qua lễ nghi cầu mưa, cầu bão)...



Về phong tục: Các tộc người ở vùng đất phương Nam có những phong tục giống như phong tục cổ truyền của cư dân Đông Nam Á như tục gửi vật phẩm cho người chết, tục ngăn ngừa sự quấy phá của vong hồn, tục mở đường xuống âm phủ. Chẳng hạn tục ngăn ngừa sự quấy phá của vong hồn, ở người Khmer có tục là vẽ hình cá sấu trên những phướn màu trắng, còn người Việt treo trước nhà những mảnh sành hay gai nhọn để xua đuổi ma quỷ, xua đuổi vong hồn người chết... Tục gửi vật phẩm cho người chết thì người Việt, người Hoa thực hiện bằng hình thức đốt vàng mã ..., còn người Khmer là gạo, dừa, đôi dừa,... Ngoài ra giữa các cư dân có ảnh hưởng lẫn nhau qua phong tục sử dụng trầu cau trong cưới hỏi. Ở người Khmer có lễ cắt bông cau (cau trong bẹ); người Chăm có tục ngâm lá trầu; người Hoa, người Việt dùng cau trầu trong lễ hỏi, cưới. Khi dựng nhà, các cư dân đều có tục cúng cây cột cái, họ sử dụng trầu cau để làm lễ. Phong tục này mang đậm dấu vết tín ngưỡng xa xưa của cư dân nông nghiệp. Về phong tục thờ đá: thờ đá trong các miếu thổ thần của người Việt, miếu ông Bôn với “thạch thần chư vị” của người Hoa, miếu Neak Tà của người Khmer, thờ đá trong Tháp Chăm của người Chăm. Trong tập tục mai táng, người Chăm Ấn Độ giáo cũng hỏa thiêu giống người Khmer; người Việt hay người Hoa sống ở vùng đồng bào Khmer cũng hỏa táng và gửi tro trong tháp ở các chùa Khmer. Ngược lại người Khmer cư trú vùng đông người Việt, Hoa lại thổ táng chứ không hỏa thiêu. Như vậy, trong quá trình cộng cư, các cư dân vùng đất phía Nam từng bước thực hiện sự giao lưu và giao thoa văn hóa. Từ đó, tạo nên một nền văn hóa đặc sắc ở vùng đất này.

Về lễ hội, các tộc người ở phương Nam đều tham dự lẫn nhau. Ở một số nơi mà ba dân tộc Việt, Hoa, Khmer cộng cư, các đồng bào này đều ăn Tết Nguyên Đán và Tết Chol Chnamthomây. Trong hai cái Tết này, các cư dân đều thăm mộ tổ tiên, cúng chùa, tế lễ trong nhà và tham dự các cuộc hội hè vui chơi. Vào lễ Thanh Minh của người Hoa, người Việt cũng đi viếng mộ tổ tiên, người Khmer cũng đi lễ chùa viếng tháp. Trong lễ hội, các cư dân phương Nam cũng có sự tiếp biến văn hóa. Người Việt chịu ảnh hưởng của người Chăm như múa dâng bông (múa bóng rối) do ảnh hưởng bà bóng Pajao. Ngoài ra, các cư dân nơi đây đều có nghi lễ giống nhau như lễ mộc dục (lễ tắm tượng). Đây là tín ngưỡng truyền thống của người Việt. Vào những ngày Tết Nguyên Đán người Việt còn lưu giữ nét truyền thống là tục trồng Nêu, cúng Táo Quân. Tục trồng cây nêu cũng tác động đến người Hoa. Có thể khẳng định, lễ hội của các cư

dân phương Nam đều mang dấu ấn tín ngưỡng cư dân nông nghiệp và có sự hỗn dung tín ngưỡng bản địa với tôn giáo ngoại sinh trong lễ hội.

Về văn hóa thành văn, văn chương chữ Nôm trên vùng đất phương Nam có bước phát triển cả thơ lẫn văn. Trong sự phát triển của văn học phương Nam thế kỷ XVI – XVIII phải kể đến sự đóng góp của các Nho sĩ người Hoa như Mạc Thiên Tích, Võ Trường Toản, Trịnh Hoài Đức,... Vào thế kỉ XVII, văn học công giáo có bước phát triển với sự ra đời của chữ Quốc Ngữ. Trong đó, vai trò của người Việt có đóng góp nhất định.

Trong lĩnh vực văn hóa dân gian cũng diễn ra hiện tượng giao lưu văn hóa rõ nét. Kho tàng tục ngữ, câu đố, ca dao, đồng dao của các dân tộc Việt, Khmer, Chăm đều vay mượn những nội dung của nhau. Đây không chỉ là hiện tượng giao thoa văn hóa mà là sự đồng cảm tư duy sâu sắc. Chẳng hạn trong truyện cổ tích người Khmer còn nhiều truyện có đề tài và nội dung gần gũi với truyện cổ tích của người Việt như truyện Chan Sanh, Chan Thông (Thạch Sanh – Lý Thông), Chan Xra Tupché (Trần Minh khổ chuối),... Truyện của người Hoa cũng như Tuồng Tàu (Hát Bội) đã đi vào đời sống tinh thần của người Việt, Khmer rõ nét như Đon Hùng Tín, La Thông, Tiết Nhơn Quý,... Ngoài ra, hình tượng cộc đã trở thành đề tài trong truyện dân gian của các cư dân nơi đây.

### 3 KẾT LUẬN

Tóm lại, mỗi cư dân ở vùng đất phương Nam đều có bản sắc văn hóa riêng của mình. Trong quá trình chung sống, những cái thô ráp, không thích nghi đã bị xóa bỏ để lại một nền văn hóa đặc sắc mang đậm dấu ấn của vùng đất này. Đó là:

Vùng đất phương Nam là vùng đất có cơ tầng văn hóa phong phú với lớp văn hóa chồng chất lên nhau, đan xen nhau giữa các thành tố văn hóa. Đặc trưng của nền văn hóa nơi đây không phải “tĩnh tại” mà là “biến động”. Có thể nói chính sự “biến động”, “tiếp biến” văn hóa lẫn nhau là phương thức tồn tại của văn hóa phương Nam.

Văn hóa phương Nam là văn hóa mang tính cộng đồng. Sinh hoạt văn hóa cộng đồng của các dân tộc ở vùng đất phương Nam mang màu sắc tín ngưỡng văn hóa bản địa, tín ngưỡng Phật giáo, Hồi giáo, Ấn Độ giáo,... đã góp phần tạo nên tính đa dạng và phong phú của lịch sử văn hóa phương Nam.



Vùng đất này có một nền văn hóa đa dạng. Bởi lẽ đây là vùng đất hội tụ của nhiều tộc người khác nhau, nơi mà văn hóa Trung Hoa, Ấn Độ, Islam, Kitô gặp gỡ, giao lưu và mức độ ít nhiều thâm thấu lẫn nhau. Sự đa dạng hiểu theo khía cạnh tộc người, là sự cùng tồn tại của những nền văn hóa của các tộc người cùng chung sống trên một vùng đất. Ngoài ra, sự đa dạng còn chứa đựng chính trong nền văn hóa của mỗi tộc người. Sự kết hợp hai nội dung cơ bản trên của đa dạng văn hóa chính là động lực phát triển của từng tộc người nói riêng và của dân tộc Việt Nam nói chung ở đất phương Nam.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

Crip Phoro Borri, 1998. Xứ Đàng Trong năm 1621. Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh.

Phan Khoang, 2001. Việt sử xứ Đàng Trong. Nhà xuất bản Văn học.

Litana, 1999. Xứ Đàng Trong - Lịch sử kinh tế, văn hóa Việt Nam thế kỉ XVII – XVIII. Nhà xuất bản Trẻ.

Huỳnh Lúa, 2000. Góp phần tìm hiểu vùng đất Nam Bộ các thế kỷ XVII, XVIII, XIX. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.

Huỳnh Lúa, 1987. Lịch sử khai phá vùng đất Nam Bộ. Nhà xuất bản TP Hồ Chí Minh.

Sơn Nam, 1994. Lịch sử khẩn hoang miền Nam. Nhà xuất bản Văn nghệ TP. Hồ Chí Minh.